



**TỔ CHỨC THE GIFTED BATTLEFIELD**  
**DỰ ÁN CHICKEN MINDS**

**KỲ THI THỬ TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

Môn thi chuyên: **TIẾNG ANH (đề án 5695)**

Thời gian làm bài: **150 phút** (không kể thời gian giao đề)

Ngày làm bài thi: **20/4/2025**

Hướng dẫn chấm thi gồm 03 trang

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm thi của Dự án Chicken Minds – Tổ chức The Gifted Battlefield.
- Kí hiệu gạch nghiêng / diễn tả các đáp án khác nhau được chấp nhận. Kí hiệu ngoặc tròn ( ) diễn tả các phần không bắt buộc ghi trong câu trả lời. Tuy nhiên, nếu thí sinh ghi sai phần đáp án trong kí hiệu ngoặc tròn ( ), câu trả lời của thí sinh bị tính là sai.
- Câu trả lời của thí sinh chỉ được chấm điểm nếu câu trả lời được điền trong phiếu trả lời và tuân thủ hướng dẫn làm bài (số lượng từ quy định tối thiểu/tối đa, v.v.). Mọi cách trả lời khác sẽ **KHÔNG** được chấm điểm.
- Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm thi.** Giám khảo thống nhất trong tổ chấm thi và bổ sung vào hướng dẫn chấm và đáp án khi chấm.
- Bài thi được chấm trên thang điểm 100. Tổng điểm bài thi sau đó được chia 10 để quy đổi về thang điểm 10 và làm tròn số theo quy tắc sau:

Phần thập phân $X$	$0 \leq X < 0,125$	$0,125 \leq X < 0,375$	$0,375 \leq X < 0,625$	$0,625 \leq X < 0,875$	$0,875 \leq X < 1$
Làm tròn	0	0,25	0,5	0,75	1
Ví dụ	3,05 → <b>3,0</b>	3,15 → <b>3,25</b> 3,35 → <b>3,25</b>	3,45 → <b>3,5</b> 3,60 → <b>3,5</b>	3,65 → <b>3,75</b> 3,85 → <b>3,75</b>	3,90 → <b>4,0</b>

**B. BẢNG PHÂN BỐ ĐIỂM**

STT	Phần thi	Số câu hỏi	Điểm
1	Mathematics and science	20	40
2	English	51	60
Tổng điểm			100

**C. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. MATHEMATICS AND SCIENCE (40 điểm)**

**Part 1.** (2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	6,878	2	64,13
3	$\frac{\sqrt{x} + 3}{\sqrt{x}}$	4	$\frac{37}{139}$
5	12536533	6	101000
7	30%	8	6031,858
9	18	10	8

**Part 2.** (2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

11	1 hour 15 minutes <b>OR</b> 75 minutes	12	15 km
13	40 km/h		

**Part 3.** (2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

14	$8,4308 \times 10^{24}$	15	organic
16	58,12 g/mol		



**Part 4.** (2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

17	TRUE	18	FALSE	19	TRUE	20	TRUE
----	------	----	-------	----	------	----	------

**II. ENGLISH (60 điểm)**

**Part 1.** (0,5 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

21	A	22	C	23	D	24	C	25	C	26	A	27	B	28	A	29	A	30	C
----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---

**Part 2.** (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

31	A	32	A	33	C	34	D	35	B	36	A	37	A	38	B	39	A	40	B
----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---

**Part 3.** (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không rõ ràng ký tự A–D: **không cho điểm.**

41	B	42	C	43	A	44	D	45	D	46	C	47	A	48	B	49	A	50	C
----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---	----	---

**Part 4.** (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không đúng chính tả, không tuân thủ quy tắc viết hoa (đầu câu, tên riêng, v.v.): **không cho điểm.**

51	someone / somebody	52	with	53	off / on	54	shoulders	55	grip
56	in	57	raises	58	stood	59	odds	60	feet

**Part 5.** (1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

Thí sinh viết không đúng chính tả, không tuân thủ quy tắc viết hoa (đầu câu, tên riêng, v.v.): **không cho điểm.**

61	inaudibility	62	doomscrolling	63	rootlessness	64	short-haul
65	all-you-can-eat	66	commemorate	67	understaffed / short-staffed	68	enlivened
69	swimmingly	70	backlog				

**Part 6.** (15 điểm)

Band	Content and Communicative Achievement (5 điểm)	Organization (5 điểm)	Language use (5 điểm)
5	All content is relevant to the task. Target reader is fully informed. Uses the conventions of the communicative task with sufficient flexibility to communicate complex ideas in an effective way, holding the target reader's attention with ease, fulfilling all communicative purposes.	Text is a well organised, coherent whole, using a variety of cohesive devices and organisational patterns with flexibility.	Uses a range of vocabulary, including less common lexis, effectively and precisely. Uses a wide range of simple and complex grammatical forms with full control, flexibility and sophistication. Errors, if present, are related to less common words and structures, or occur as slips.
4	Performance shares features of Bands 3 and 5.		
3	Minor irrelevances and/or omissions may be present. Target reader is on the whole informed. Uses the conventions of the communicative task effectively to hold the target reader's attention and communicate straightforward and complex ideas, as appropriate.	Text is well organised and coherent, using a variety of cohesive devices and organisational patterns to generally good effect.	Uses a range of vocabulary, including less common lexis, appropriately. Uses a range of simple and complex grammatical forms with control and flexibility. Occasional errors may be present but do not impede communication.



Band	Content and Communicative Achievement (5 điểm)	Organization (5 điểm)	Language use (5 điểm)
2	<i>Performance shares features of Bands 1 and 3.</i>		
1	<p>Irrelevances and misinterpretation of task may be present.</p> <p>Target reader is minimally informed.</p> <p>Uses the conventions of the communicative task to hold the target reader's attention and communicate straightforward ideas.</p>	<p>Text is generally well organised and coherent, using a variety of linking words and cohesive devices.</p>	<p>Uses a range of everyday vocabulary appropriately, with occasional inappropriate use of less common lexis.</p> <p>Uses a range of simple and some complex grammatical forms with a good degree of control.</p> <p>Errors do not impede communication.</p>
0	<p>Content is totally irrelevant.</p> <p>Target reader is not informed.</p>	<i>Performance below Band 1.</i>	

*Các giám khảo cần thảo luận kỹ về đáp án gợi ý và biểu điểm trước khi tiến hành chấm bài.*

**– HẾT –**

